

Số: /QĐ-CĐBVN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Sửa chữa hư hỏng mặt đường các đoạn Km1343+230 - Km1344+400; Km1344+850 - Km1345+00; Km1345+800 - Km1346+00, Km1348+00 - Km1349+00, Km1347+500 - Km1348+00; Km1365+700 - Km1366+400; Km1377+650 - Km1377+800, Km1369+00 - Km1369+200; Km1370+00 - Km1370+700; Km1370+900 - Km1371+100; Km1371+300 - Km1371+800, Km1373+00 - Km1374+00, Km1374+200 - Km1375+700, đường Hồ Chí Minh; Sửa chữa hư hỏng mặt đường BTXM cục bộ đoạn Km1350+00 - Km1365+00 và đoạn Km1371+800 - Km1372+400; Gia cố taluy âm tại vị trí Km1355+150(T), Km1360+980(T); Sửa chữa, thay thế, tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN 41:2024/BGTVT đoạn Km412+532 - Km497+535 (nhánh Tây), Km1320+365 - Km1407+495 (nhánh Đông); Xử lý, tăng cường ATGT đoạn Km1374+500 - Km1374+950 đường Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công việc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung số: 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023, số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024, số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-CĐBVN ngày 08/8/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 831/BCTĐ-QLBT ngày 30/10/2025 của Phòng Quản lý, bảo trì;

Theo đề nghị của Khu Quản lý đường bộ III tại Tờ trình số 153/TTr-KQLĐBIII ngày 18/10/2025 về việc trình thẩm định, phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Sửa chữa hư hỏng mặt đường các đoạn Km1343+230 - Km1344+400; Km1344+850 - Km1345+00; Km1345+800 - Km1346+00, Km1348+00 - Km1349+00, Km1347+500 - Km1348+00; Km1365+700 - Km1366+400; Km1377+650 - Km1377+800, Km1369+00 - Km1369+200; Km1370+00 - Km1370+700; Km1370+900 - Km1371+100; Km1371+300 - Km1371+800, Km1373+00 - Km1374+00, Km1374+200 - Km1375+700, đường Hồ Chí Minh; Sửa chữa hư hỏng mặt đường BTXM cục bộ đoạn Km1350+00 - Km1365+00 và đoạn Km1371+800 - Km1372+400; Gia cố taluy âm tại vị trí Km1355+150(T), Km1360+980(T); Sửa chữa, thay thế, tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN 41:2024/BGTVT đoạn Km412+532 - Km497+535 (nhánh Tây), Km1320+365 - Km1407+495 (nhánh Đông); Xử lý, tăng cường ATGT đoạn Km1374+500 - Km1374+950 đường Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Sửa chữa hư hỏng mặt đường các đoạn Km1343+230 - Km1344+400; Km1344+850 - Km1345+00; Km1345+800 - Km1346+00, Km1348+00 - Km1349+00, Km1347+500 - Km1348+00; Km1365+700 - Km1366+400; Km1377+650 - Km1377+800, Km1369+00 - Km1369+200; Km1370+00 - Km1370+700; Km1370+900 - Km1371+100; Km1371+300 - Km1371+800, Km1373+00 - Km1374+00, Km1374+200 - Km1375+700, đường Hồ Chí Minh; Sửa chữa hư hỏng mặt đường BTXM cục bộ đoạn Km1350+00 - Km1365+00 và đoạn Km1371+800 - Km1372+400; Gia cố taluy âm tại vị trí Km1355+150(T), Km1360+980(T); Sửa chữa, thay thế, tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN 41:2024/BGTVT đoạn Km412+532 - Km497+535 (nhánh Tây), Km1320+365 - Km1407+495 (nhánh Đông); Xử lý, tăng cường ATGT đoạn Km1374+500 - Km1374+950 đường Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa hư hỏng mặt đường các đoạn Km1343+230 - Km1344+400; Km1344+850 - Km1345+00; Km1345+800 - Km1346+00, Km1348+00 - Km1349+00, Km1347+500 - Km1348+00; Km1365+700 - Km1366+400; Km1377+650 - Km1377+800, Km1369+00 - Km1369+200; Km1370+00 - Km1370+700; Km1370+900 - Km1371+100; Km1371+300 - Km1371+800, Km1373+00 - Km1374+00, Km1374+200 - Km1375+700, đường Hồ Chí Minh; Sửa chữa hư hỏng mặt đường BTXM cục bộ đoạn Km1350+00 - Km1365+00 và đoạn Km1371+800 - Km1372+400; Gia cố taluy âm tại vị trí Km1355+150(T), Km1360+980(T); Sửa chữa, thay thế, tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN 41:2024/BGTVT đoạn Km412+532 - Km497+535 (nhánh Tây), Km1320+365 - Km1407+495 (nhánh Đông); Xử lý, tăng cường ATGT đoạn Km1374+500 - Km1374+950 đường Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng.

2. Địa điểm xây dựng: Đoạn Km412+532 - Km497+535 (nhánh Tây), Km1320+365 - Km1407+495 (nhánh Đông); Xử lý, tăng cường ATGT đoạn Km1374+500 - Km1374+950 đường Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng.

3. Người quyết định đầu tư: Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam.

4. Chủ đầu tư: Khu Quản lý đường bộ III.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Trung tâm KTĐB 3.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại, nhóm dự án: Sửa chữa công trình giao thông đường bộ (cầu, đường, ATGT...), nhóm C.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình sửa chữa, bảo trì đường bộ để duy trì cấp của đường Hồ Chí Minh hiện tại (Công trình cấp III).

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và căn cứ pháp lý khác có liên quan.

7. Mục tiêu dự án: Sửa chữa hư hỏng công trình, gia cố mái taluy, sửa chữa hệ thống thoát nước, hoàn thiện hệ thống ATGT nhằm bảo đảm, duy trì khả năng khai thác của tuyến đường và kéo dài tuổi thọ công trình.

8. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp sửa chữa chủ yếu:

8.1. Quy mô, phạm vi

Trên cơ sở hiện trạng các đoạn nền mặt đường bị hư hỏng, vị trí taluy bị sạt trượt, các vị trí mất ATGT và hiện trạng hệ thống ATGT, tiến hành xử lý, sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, gia cố các điểm taluy bị sạt lở, sửa chữa, tăng cường các vị trí mất ATGT và hoàn thiện hệ thống ATGT trên đoạn tuyến.

8.2. Giải pháp sửa chữa chủ yếu

8.2.1. Sửa chữa hư hỏng mặt đường bê tông nhựa các đoạn Km1343+230 - Km1344+400; Km1344+850 - Km1345+00; Km1345+800 - Km1346+00, Km1348+00 - Km1349+00, Km1347+500 - Km1348+00; Km1365+700 - Km1366+400; Km1377+650 - Km1377+800, Km1369+00 - Km1369+200; Km1370+00 - Km1370+700; Km1370+900 - Km1371+100; Km1371+300 - Km1371+800, Km1373+00 - Km1374+00, Km1374+200 - Km1375+700:

a) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường:

- Đối với phạm vi mặt đường bị hư hỏng nứt mai rùa (dạng M, H) có kết cấu lớp móng tái sinh cũ còn tốt: Cào bóc hết lớp bê tông nhựa hư hỏng dày từ 6cm-12cm; vệ sinh, tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường axit tiêu chuẩn 0,5 lít/m² và hoàn trả lớp BTNC 19 dày 6cm. Diện tích khoảng 31.425 m².

- Đối với phạm vi mặt đường hư hỏng nứt mai rùa (dạng H) (bị hư hỏng sâu đến lớp móng cấp phối đá dăm): Cào bóc lớp BTN mặt đường dày 7cm; tái sinh nguội tại chỗ bằng xi măng 4% chiều dày 20cm, láng nhũ tương nhựa đường axit 02 lớp tiêu chuẩn 2,7kg/m², tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường axit tiêu chuẩn 0,5 lít/m², thảm lớp BTNC 19 dày 6cm. Diện tích khoảng 21.857 m².

- Sau khi sửa chữa hư hỏng móng, mặt đường như trên, tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường axit tiêu chuẩn 0,3 lít/m²; bù phụ tạo mui lượn và thảm lớp BTNC 16 dày trung bình 5cm (có sử dụng phụ gia kháng hằn lún vệt bánh xe). Diện tích khoảng 68.692 m².

- Bổ sung, sửa chữa lề đường gia cố từ mép đường đến mép rãnh dọc hiện hữu bằng BTXM f_c=16MPa dày 18cm trên lớp móng CPĐĐ loại II gia cố xi măng 4% dày 15cm, diện tích khoảng 3.380m². Đối với các đoạn đã có lề gia cố cũ, vuốt êm thuận từ mép đường xuống phân lề đường bằng BTXM f_c=16MPa. Đối với các đoạn có hộ lan mềm, gia cố từ mép mặt đường đến chân cột hộ lan hiện hữu bằng BTXM f_c=16MPa dày 5cm trên lớp nilong lót, diện tích khoảng 4.096 m².

b) Sửa chữa hệ thống thoát nước: Bổ sung rãnh dọc tại các vị trí cần thiết bằng rãnh hở hình thang dạng tấm lắp ghép BTXM $f'c=16\text{MPa}$, đáy rãnh đổ tại chỗ bằng BTXM $f'c=16\text{MPa}$ dày 7cm. Đối với các đoạn có rãnh đá học xây cũ bị hư hỏng, trám vá bằng vữa xi măng 8Mpa.

c) Sửa chữa hệ thống báo hiệu theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, bao gồm các công tác sơn vạch kẻ đường; lắp đặt đỉnh phản quang tim đường.

8.2.2. Sửa chữa hư hỏng mặt đường BTXM cục bộ đoạn Km1350+00 - Km1365+00 và đoạn Km1371+800 - Km1372+400:

a) Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường:

- Đối với các vị trí mặt đường BTXM hư hỏng nặng, tiến hành đào bỏ móng kết cấu hư hỏng hiện hữu dày 48cm sau đó hoàn trả kết cấu từ dưới lên trên như sau: Xáo xới, lu lèn nền đường cũ sâu 30cm bảo đảm độ chặt $K \geq 0,98$, thi công lớp CPĐD loại II dày 18cm, lớp CPĐD loại I gia cố xi măng 5% dày 18cm, lán nhũ tương 02 lớp TC 2,7kg/m², tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường tiêu chuẩn 0,5 lít/m², sau đó thảm BTNC 19 dày 6cm, tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường tiêu chuẩn 0,3 lít/m², sau đó thảm BTNC 16 dày 5cm (sử dụng phụ gia kháng hằn lún vệt bánh xe). Diện tích khoảng 26.083 m²;

- Đối với các đoạn bị ảnh hưởng nước ngầm: tiến hành đào bỏ kết cấu nền hư hỏng chiều sâu dự kiến 81cm và thay đất lu lèn bảo đảm độ chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm, sau đó thi công các lớp móng mặt đường như trên (chỉ thay lớp CPĐD loại II dày 18cm bằng lớp đá dăm nước kết hợp lắp đặt ống HDPE D20cm để dẫn nước ra ngoài phạm vi nền đường). Diện tích khoảng 5.361 m²;

- Sửa chữa, gia cố lề đường bằng BTXM $f'c=16\text{MPa}$ dày 18cm trên lớp CPĐD loại II gia cố 4% xi măng dày 15cm tại các đoạn có rãnh dọc hình thang. Các đoạn còn lại được đắp đất phù hợp với cao độ mặt đường sau sửa chữa. Diện tích khoảng 729 m².

b) Sửa chữa hệ thống thoát nước:

- Đối với các vị trí có xuất hiện nước ngầm: Bố trí rãnh thấm dọc đoạn tuyến để thu nước phía taluy dương chảy ra (ngắt mạch nước) với kết cấu bằng đá dăm, xung quanh bọc vải địa kỹ thuật loại không dệt, phía dưới bố trí ống HDPE D20cm khoan lỗ thu nước, đáy rãnh thấm bằng BTXM $f'c=16\text{MPa}$ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Các đoạn rãnh bị hư hỏng và các đoạn có bố trí rãnh thấm được sửa chữa bằng rãnh hở hình thang dạng tấm lắp ghép BTXM $f'c=16\text{MPa}$, đáy rãnh đổ tại chỗ bằng BTXM $f'c=16\text{MPa}$ dày 7cm.

c) Sửa chữa hệ thống báo hiệu theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, bao gồm các công tác sơn vạch kẻ đường; lắp đặt đỉnh phản quang tim đường; bổ sung cọc tiêu.

8.2.3. Gia cố taluy âm tại vị trí Km1355+150 (T) và Km1360+980 (T):

a) Xử lý điểm sụt trượt taluy âm tại Km1355+150 (T):

- Bổ sung kê rọ đá gia cố taluy âm khu vực sụt lở đoạn Km1355+123 - Km1355+228 (TT), L=105m; kê bố trí dạng tường trọng lực bằng rọ đá KT(2x1x1)m và rọ đá KT (2x1x0,5)m, khoảng 526 rọ. Kê rọ đá được đặt trên hệ cọc ray P43 dài 8m (mỗi hàng gồm 02 cọc, cách khoảng 1,5m/hàng), chiều cao H=3,5m, đỉnh kê rọ đá bằng vai đường.

- Hoàn trả nền mặt đường trong phạm vi gia cố taluy âm, L=105m kết cấu từ trên xuống dưới như sau: Lớp BTNC 16 dày 5cm (sử dụng phụ gia kháng hàn lún vệt bánh xe), tưới nhũ tương dính bảm TC 0,3lít/m², lớp BTNC 19 dày 6cm, tưới nhũ tương dính bảm TC 0,5lít/m², lán nhũ tương 02 lớp TC 2,7kg/m², lớp CPĐĐ loại I gia cố xi măng 5% dày 18cm, lớp CPĐĐ loại II dày 18cm, đắp đất K ≥ 0,98 dày 50cm. Diện tích khoảng 367 m².

- Hoàn trả lề đường bằng BTXM f_c=16MPa dày 18cm lớp cấp phối đá dăm loại II gia cố XM 4% dày 15cm, diện tích khoảng 123 m².

b) Xử lý điểm sụt trượt ta luy âm tại Km1360+980 (T):

- Gia cố mái ta luy âm nền đường đoạn tuyến Km1360+985 - Km1360+1005 (TT) L=20m bằng kê rọ đá đá KT(2x1x1)m và rọ đá KT (2x1x0,5)m, khoảng 131 rọ. Kê rọ đá được đặt trên hệ cọc ray P43 dài 12m (mỗi hàng gồm 02 cọc, cách khoảng 1,0m/hàng). Kết hợp bổ sung bờ bờ bằng BTXM f_c=16MPa để dẫn nước mặt ra khỏi phạm vi sụt lở.

- Bổ sung hố thu nước tại Km1360+994 (PT) bằng BTXM f_c=16MPa để thu nước từ khe tụ thủy ta luy dương; sửa chữa, hoàn trả rãnh dọc hai bên hố thu bằng rãnh hở hình thang dạng tấm lắp ghép BTXM f_c=16MPa, đáy rãnh đổ tại chỗ bằng BTXM f_c=16MPa dày 7cm.

- Hoàn trả lề đường bằng BTXM f_c=16MPa dày 18cm trên lớp cấp phối đá dăm loại II gia cố XM 4% dày 15cm, diện tích khoảng 56 m².

8.2.4. Sửa chữa, thay thế, tăng cường hệ thống ATGT đảm bảo QCVN 41:2024/BGTVT đoạn Km412+532 - Km497+535 (nhánh Tây), Km1320+365 - Km1407+495 (nhánh Đông): Nâng hộ lan tôn sóng đảm bảo chiều cao theo hướng dẫn tại văn bản số 597/TCĐBVN-ATGT-CQLXĐDB của Tổng cục Đường bộ Việt Nam (nay là Cục ĐBVN). Chiều dài khoảng 2.246m.

8.2.5. Xử lý, tăng cường ATGT đoạn Km1374+500 - Km1374+950:

a) Đối với phạm vi đường từ Km1374+567 - Km1374+726 (bán kính hiện hữu R=79m):

- Mở rộng mặt đường đoạn từ Km1374+567 - Km1374+726(P) với độ mở rộng W_{max}=2,5m (phía bụng đường cong), bán kính đường cong sau cải tạo R=81,0m. Kết hợp cải tạo siêu cao mặt đường đảm bảo i_{sc}=7% (phù hợp TCVN 4054:2005). Kết cấu mặt đường phần mở rộng từ trên xuống dưới như sau: Lớp BTNC 16 dày 5cm (sử dụng phụ gia kháng hàn lún vệt bánh xe), tưới nhũ tương dính bảm TC 0,3lít/m², lớp BTNC19 dày 6cm, tưới nhũ tương dính bảm TC 0,5lít/m², lán nhũ tương 02 lớp TC 2,7kg/m², lớp CPĐĐ loại I gia cố xi măng 5% dày 18cm, lớp CPĐĐ loại II dày 18cm, đất đắp K ≥ 0,98 dày 30cm.

- Nối dài 3m công tròn BTLT ly tâm D100cm tại Km1374+659(P). Hoàn trả hố thu công bằng BTXM f_c=16MPa.

b) Đối với phạm vi đường từ Km1374+797 - Km1374+890 (bán kính hiện hữu R=67m):

- Mở rộng mặt đường đoạn từ Km1374+797 - Km1374+890(T) với độ mở rộng W_{max}=2,5m (phía bụng đường cong), bán kính đường cong sau cải tạo R=71,0m. Kết hợp cải tạo siêu cao mặt đường đảm bảo i_{sc}=7% (phù hợp TCVN 4054:2005). Kết cấu mặt đường phần mở rộng từ trên xuống dưới như sau: Lớp BTNC 16 dày 5cm (sử dụng phụ gia kháng hàn lún vệt bánh xe), tưới nhũ tương dính bảm TC 0,3lít/m², lớp BTNC19 dày 6cm, tưới nhũ tương dính bảm TC 0,5lít/m², lán nhũ tương 02 lớp TC 2,7kg/m², lớp CPĐĐ loại I gia cố xi măng 5% dày 18cm, lớp CPĐĐ loại II dày 18cm, đất đắp K ≥ 0,98 dày 30cm.

- Gia cố mái taluy âm phần nền đường mở bằng BTXM $f'c=16\text{MPa}$ dày 15cm (có gia cường lưới thép B40) trên lớp vữa XM $f'c=8\text{MPa}$ dày 2cm; chân khay gia cố mái taluy âm bằng BTXM $f'c=20\text{MPa}$, kích thước chân khay $B \times H=(1,0 \times 0,5)\text{m}$.

- Sửa chữa hư hỏng công ngang tại Km1374+819: Tháo dỡ sân công thượng lưu bị hư hỏng, hoàn trả bằng BTXM $f'c=16\text{MPa}$, trám vá mối nối các đốt công bị bong tróc bằng BTXM $f'c=8\text{MPa}$.

c) Sửa chữa hệ thống báo hiệu theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, bao gồm các công tác sơn vạch kẻ đường; lắp đặt đỉnh phản quang tim đường.

8.2.5 Đảm bảo an toàn giao thông: Thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông và môi trường trong suốt quá trình thi công theo quy định hiện hành.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế được duyệt).

9. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN - Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 13567-1:2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;
- TCVN 13567-5:2024: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 5: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường bổ sung phụ gia SBS bằng phương pháp trộn khô;
- TCVN 13150-1:2020 Lớp vật liệu tái chế nguội tại chỗ dùng cho kết cấu áo đường ô tô - thi công và nghiệm thu - Phần 1: Tái chế sâu sử dụng xi măng hoặc xi măng và nhũ tương nhựa đường.
- TCVN 9505:2012: Mặt đường láng nhũ tương nhựa đường axit - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8858:2023 - Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8859:2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9504:2012: Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - Thi công và nghiệm thu;
- QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCVN 8791:2011 Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- TCCS 13:2016/TCĐBVN: Tường chắn rọ đá trọng lực – Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu;
- TCCS 14:2016/TCĐBVN Tiêu chuẩn cơ sở về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố còn hiệu lực.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng

Tổng mức đầu tư: 92.918.506.000 đồng (Chín mươi hai tỷ, chín trăm mười tám triệu, năm trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	82.463.645.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.540.374.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.618.359.000	đồng
- Chi phí khác:	871.437.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	4.424.691.000	đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2026 (theo kế hoạch chi được giao).

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn: Sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (Ngân sách nhà nước);
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Theo Kế hoạch giao dự toán chi của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban QLDA chuyên ngành.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không.

15. Các nội dung khác thuộc trách nhiệm Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư chỉ đạo tư vấn thiết kế tiếp thu ý kiến tại Báo cáo thẩm định số 831/BCTĐ-QLBT ngày 30/10/2025 của Phòng Quản lý, bảo trì để hoàn thiện hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình. Hoàn thiện chỉ dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu các hạng mục công trình, công trình để làm cơ sở cập nhật vào hồ sơ mời thầu của dự án.

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan rà soát chi tiết hiện trường để xác định chính xác vị trí, khối lượng cần sửa chữa, điều chỉnh giải pháp sửa chữa (nếu cần thiết) bảo đảm chất lượng, tiết kiệm kinh phí và hiệu quả đầu tư tổng thể của dự án.

- Rà soát kỹ hệ thống ATGT, biển báo, tôn lượn sóng, sơn kẻ đường... trước khi thi công các hạng mục này để điều chỉnh, bổ sung (nếu cần thiết) nhằm bảo đảm công trình được tổ chức giao thông khoa học, hợp lý và an toàn trong khai thác, sử dụng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trong các bước tiếp theo, Khu Quản lý đường bộ III và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung sau:

1. Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư tổ chức quản lý chặt chẽ chất lượng công trình từ bước lựa chọn Nhà thầu thi công, Tư vấn giám sát đủ năng lực theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

2. Trên cơ sở Quyết định này, Chủ đầu tư triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành và căn cứ vào khối lượng thực tế, các chế độ chính sách hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu, thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng và các căn cứ pháp lý khác có liên quan. Trong đó lưu ý: căn cứ thời gian thực hiện, nghiệm thu, thanh toán đối với từng khối lượng, hạng mục công việc để chiết giảm

thuế VAT và một số phí, lệ phí có liên quan theo quy định tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các Phòng Kế hoạch – Tài chính; Quản lý, bảo trì; Giám đốc Khu Quản lý đường bộ III và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Kho Bạc Nhà nước khu vực;
- Lưu VT, QLBT (NVN).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Thắng

